

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2910/TTr-SNNPTNT ngày 06 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung và 01 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa

Thiên Huế theo đúng quy định; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được công khai tại Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>) theo quy định; Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2024.

1. Thay thế TTHC số 66 Mục VII - Lĩnh vực Lâm nghiệp - Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã).

2. Bãi bỏ TTHC số 04 Mục II - Lĩnh vực Lâm nghiệp - Phụ lục II được ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã) và được thay thế bằng TTHC mã số 3.000159 lĩnh vực Kiểm lâm cấp huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh và CV: NN;
- TTPVHCC, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 2893 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung/thay thế

| TT | Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung/thay thế (mã số TTHC) | Tên TTHC sửa đổi, bổ sung/thay thế | Thời gian giải quyết | Cách thức và địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cơ quan thực hiện |
|-----------|--|---|---|---|-------------|--|------------------------|
| I | Cấp tỉnh | | | | | | |
| 1 | Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (3.000160) | Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (3.000160) | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> + Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | Chi cục Kiểm lâm |
| II | Cấp huyện | | | | | | |
| 2 | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất | - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể | + Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến | Không | Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của | Hạt Kiểm lâm cấp huyện |

| | | | | | | | |
|--|-------------------------|--------------------|---|---|--|--|--|
| | xuất khẩu (3.000175) | khẩu (3.000159) | từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Hành chính công cấp huyện. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) | | Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam | |
|--|-------------------------|--------------------|---|---|--|--|--|

Ghi chú:

- Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue>)
- TTHC số 1 được sửa đổi bổ sung tên thủ tục, thời gian giải quyết, căn cứ pháp lý và biểu mẫu.
- TTHC số 2 được sửa đổi bổ sung mã thủ tục, căn cứ pháp lý và biểu mẫu.
- Các TTHC này thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

2. Danh mục TTHC bị bãi bỏ

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Lý do việc bãi bỏ TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|----|---------------|---|---|----------|------------------------|
| 1 | 3.000175 | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu | Đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố bãi bỏ tại Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25 tháng 10 năm 2024 | Kiểm lâm | Hạt Kiểm lâm cấp huyện |